

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 49

Phẩm 51: PHI THƯỜNG

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, các ông trôi nổi sinh tử, trải qua khổ não, trong đó nước mắt buồn thương khóc lóc nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sinh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Đúng như các ông nói không khác. Nước mắt mà các ông đổ ra trong sinh tử nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao? Trong sinh tử đó, hoặc mẹ chết, nước mắt đổ xuống không thể kể xiết. Trong đêm dài, hoặc cha, hoặc anh, chị, em, vợ con, năm thân, những người ân ái, vì thương tiếc mà buồn khóc không thể kể xiết. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy nên nhàm chán sinh tử, tránh xa pháp này. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Khi nói pháp này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 2

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, các ông, trong sinh tử, máu đổ ra khi thân thể các người hủy hoại nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sinh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Đúng như các ông nói, máu nhiều hơn nước

¹. Tham chiếu Pāli, S.15.3 Asu (R. ii. 179). Hán, Tạp 33, kinh 938.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sông Hằng. Vì sao? Trong sinh tử, hoặc có khi làm bò, dê, heo, chớ, hươu, ngựa, chim, thú và vô số loài khác nữa, trải qua khổ não, thật đáng nhàm chán, hãy suy niệm xả ly. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Khi Thế Tôn nói pháp này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy tư duy vô thường tưởng, hãy quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy quảng bá vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn, thỷ đều dứt sạch. Cũng như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn gì. Tỳ-kheo nên biết, nếu tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng, sẽ đoạn trừ sạch ái dục trong ba cõi.

Thuở xưa, có vị quốc vương tên là Thanh Tịnh Âm Hưởng, thống lãnh Diêm-phù-địa với tám vạn bốn ngàn thành quách, có tám vạn bốn ngàn đại thần, tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ. Mỗi một thể nữ có bốn người hầu. Bấy giờ Thánh vương Âm Hưởng không có con. Vị đại vương này nghĩ như vậy: “Nay ta thống lãnh bờ cõi này, trị hóa mà không làm trái đạo lý. Nhưng nay ta không có người nối dõi. Nếu sau khi ta chết, gia đình, dòng họ sẽ đoạn tuyệt.” Vì để có con nên quốc vương quy y nơi các trời, rồng, thần, mặt trời, mặt trăng, các sao; tự quy y Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, thần núi, thần cây, cho đến thần cỏ thuốc, cây trái: “Nguyện cầu phước cho tôi sinh con.” Lúc bấy giờ trên trời Tam thập tam có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sắp dứt, năm điềm báo tự nhiên bức bách. Những gì là năm? Hoa quan của chư Thiên không hề héo úa, nhưng hoa quan của Thiên tử này tự nhiên héo húa. Y phục của chư Thiên không có cấu bẩn, nhưng y phục của Thiên tử đã cấu bẩn. Thân thể của chư Thiên Tam thập tam thường thơm tho, tinh khiết, có ánh sáng rọi suốt; thân thể Thiên tử này bấy giờ có mùi hôi không ai gần được. Chư Thiên Tam thập tam luôn luôn có ngọc nữ vây quanh trước sau để ca, múa, xướng hát, vui thú với ngũ dục; Thiên tử này khi sắp mạng chung các ngọc nữ ly tán. Chư Thiên Tam thập tam có tòa ngời tự nhiên, sâu xuống đất bốn thước và khi Thiên tử đứng dậy thì tòa này rời khỏi mặt đất bốn thước; nhưng Thiên tử này sắp mạng chung nên không thích chỗ ngời cũ nữa. Đó là năm điềm báo tự nhiên bức bách.

Khi Thiên tử Tu-bồ-đề có điềm báo này, Thích Đề-hoàn Nhân bảo một Thiên tử: “Ông hãy đến Diêm-phù-địa nói với vua Âm Hưởng rằng, Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị Thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm điềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.”

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vị Thiên tử vâng lời, nói: “Kính vâng, Thiên vương! Xin vâng lời dạy của Thiên vương.”

Rồi trong khoảnh khắc bằng khi lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi Tam thập tam, hiện đến Diêm-phù-địa. Lúc bấy giờ đại vương Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng hầu. Khi ấy vị trời này đứng giữa hư không nói với vua rằng: “Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị Thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm điềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.”

Vua Âm Hưởng nghe được lời này, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, liền trả lời vị trời rằng: “Nay ngài đến báo cho biết, thật đại hạnh! Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.”

Rồi Thiên tử ấy trở về, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân tâu lại: “Tâu Thiên vương, vua Âm Hưởng rất mừng rỡ.”

Và thuật lại lời vua Âm Hưởng: “Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.”

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ Thiên tử Tu-bồ-đề, nói với Thiên tử Tu-bồ-đề rằng: “Ông hãy phát nguyện sinh vào trong cửa vua loài người là Âm Hưởng. Vì sao? Vua Âm Hưởng không có con. Nhưng luôn luôn cai trị đúng theo chánh pháp. Ông xưa có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thần vào trong cung đó.”

Thiên tử Tu-bồ-đề tâu: “Thôi, thôi, tâu Thiên vương! Tôi không thích nguyện sinh vào cung vua. Ý tôi muốn xuất gia học đạo. Nhưng ở trong cung thì sự học đạo rất khó.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói: “Ông chỉ cần phát nguyện sinh vào cung vua kia. Ta sẽ giúp đỡ để ông xuất gia học đạo.”

Tỳ-kheo nên biết, Thiên tử Tu-bồ-đề khi ấy liền phát nguyện sinh vào cung vua. Bấy giờ vua Âm Hưởng cùng với Đệ nhất phu nhân giao hội. Bà liền cảm thấy mình mang thai, liền tâu với vua Âm Hưởng: “Đại vương nên biết, tôi nay cảm giác mình đang mang thai.”

Vua nghe vậy rồi, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được. Vua liền đặc biệt sai trái lột chỗ ngồi rất đẹp đẽ, ăn các thứ ngon ngọt như vua không khác. Qua tám chín tháng,² sinh một đứa con trai cực kỳ xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vua Âm Hưởng bèn triệu các Phạm chí ngoại đạo cùng các quần thần xem tướng. Vua đem hết nguồn gốc nhân duyên kể hết cho các tướng sư.

Các Bà-la-môn đáp: “Tâu đại vương, hãy xét lý này. Nay sinh thái tử hiếm có trên đời. Xưa tên là Tu-bồ-đề, nay theo như trước mà đặt tên là Tu-bồ-đề.”

Các tướng sư sau khi đặt tên rồi, ai nấy đứng dậy ra về.

Vương tử Tu-bồ-đề bấy giờ được vua rất quý trọng, chưa từng rời khỏi mắt. Rồi một lúc, vua Âm Hưởng suy nghĩ: “Xưa ta không có con. Vì không có con nên cầu đảo các trời để có một đứa con. Sau một thời gian nay mới sinh con. Nhưng Thiên đế đã báo trước, nó sẽ xuất gia học đạo. Ta nay hãy bày phương tiện để nó không xuất gia học đạo.”

Rồi vua Âm Hưởng cho dựng cung điện ba mùa cho thái tử. Mùa lạnh, có cung điện

² Nguyên Hán: Kinh Bát Cửu Nguyệt 經八九月.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ấm. Mùa nóng có cung điện mát. Khi không lạnh không nóng, có cung điện thích thời. Lại cho dựng bốn chỗ ở cho cung nữ. Cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ. Cung thứ hai có sáu vạn thể nữ. Cung thứ ba có sáu vạn thể nữ. Cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Mỗi cung có bốn người hầu dọn trải thảm ngồi để cho thái tử ngồi nằm trên đó. Nếu ý vương tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước, tức thì các thể nữ đứng mặt, khi ấy thảm ngồi tùy thân chuyển tới. Phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn người hầu. Nếu ta muốn dạo chơi phía sau, thảm ngồi liền tùy thân chuyển theo. Nếu muốn cùng vui thú với các thể nữ, khi ấy thảm ngồi cùng tùy thân chuyển theo. Khiến cho vương tử Tu-bồ-đề tâm ý đắm nơi ngũ dục mà không muốn xuất gia.

Cho đến một lúc, vào lúc nửa đêm, lúc không có người, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến vương tử Tu-bồ-đề, ở giữa hư không mà nói với vương tử: “Vương tử, há không phải xưa kia đã có ý nghĩ này: “Ta sống tại gia cho đến tuổi tráng thịnh sẽ xuất gia học đạo” chẳng? Nay sao lại vui thú trong ngũ dục, ý không còn ý nguyện xuất gia nữa? Nhưng ta cũng đã có nói, sẽ khuyến khích vương tử xuất gia học đạo. Nay đã đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối tiếc vô ích.” Thích Đề-hoàn Nhân nói xong, biến mất.

Lúc bấy giờ vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung suy nghĩ như vậy: “Vua Âm Hưởng giảng lười ái dục cho ta. Do bởi lười ái dục này mà ta không xuất gia học đạo được. Nay ta phải cắt đứt lười này không để bị lôi kéo bởi những thứ ô trược. Bằng chí tín kiên cố mà xuất gia học đạo, sống chỗ nhàn tĩnh, siêng năng tu tập nghiệp học để cho càng ngày càng tiến.” Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ thêm: “Phụ vương Âm Hưởng cho sáu vạn thể nữ vây quanh trước sau. Ta hãy quán sát lý này, thử xem có ai tồn tại mãi ở đời chẳng?” Rồi vương tử Tu-bồ-đề quán sát khắp trong cung, không thấy có nữ nhân nào sống mãi ở đời. Rồi Tu-bồ-đề lại nghĩ: “Ta nay sao lại quán vật bên ngoài? Hãy quán sát nội thân, do nhân duyên gì mà có. Nay trong thân này, các thứ như tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, có cái nào còn mãi ở đời chẳng? Từ đầu đến chân, quán sát ba mươi sáu thứ, thấy là ô uế bất tịnh. Từ quán sát thấy không một thứ đáng tham. Cũng không có cái gì chân thật, mà chỉ là huyễn ngụy giả dối, thấy đều trở về không, không còn mãi ở đời.” Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ: “Ta nay phải cắt đứt cái lười này mà xuất gia học đạo.”

Bấy giờ Tu-bồ-đề quán sát thân năm thủ uẩn này. Rằng: “Đây là sắc khổ. Đây là tập khởi của sắc. Đây là sắc diệt tận. Đây là xuất yếu của sắc.³ Thọ, tưởng, hành, thức khổ. Đây là tập khởi của thức. Đây là diệt tận của thức. Đây là xuất yếu của thức.” Sau khi quán thân năm thủ uẩn này rồi, biết rằng những gì là pháp tập khởi đều là pháp diệt tận, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà đắc quả Bích-chi-phật. Lúc bấy giờ Bích-chi-phật Tu-bồ-đề biết mình đã thành Phật, liền nói bài kệ:

*Này dục, ta biết người
Ý do tư tưởng sinh
Ta không tư tưởng người
Thì người không tồn tại.*

Sau khi nói bài kệ xong, Bích-chi-phật liền bay lên hư không mà đi, rồi một mình Bát-niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới dưới một gốc cây trong một núi nọ.

Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo kẻ tả hữu: “Người hãy đi đến cung của Tu-bồ-đề, xem

³. Bấy xử thiện, được nói rất nhiều trong các A-hàm cũng như Nikāya; nhưng bản Hán này chép thiếu. Nói đủ (Cf. Tập 2, kinh 42, tr. 10a05): Sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Pāli, S. xxii. 57 Sattaṭṭhāna (R.iii. 61): Rūpaṃ, rūpasamudayaṃ, rūpanirodhaṃ, rūpanirodhagāminim paṭipadaṃ, rūpassa assādaṃ, rūpassa ādīnavaṃ, rūpassa nissaraṇaṃ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vương tử có ngủ giấc yên ổn không?”

Quan đại thần vâng lệnh vua, đi đến cung của thái tử. Nhưng cửa phòng ngủ đã khóa chặt.

Đại thần quay trở lại tâu vua: “Vương tử ngủ yên. Cửa phòng đã khóa chặt.”

Vua lặp lại ba lần hỏi: “Người đến xem vương tử ngủ có ngon không.”

Quan đại thần lại đến trước cửa cung. Nhưng cánh cửa đóng chặt ông quay trở lại, tâu vua: “Vương tử ở trong cung ngủ say không biết gì. Cửa cung khóa chặt, đến giờ vẫn chưa mở.”

Khi ấy vua Âm Hưởng nghĩ thầm: “Con ta, vương tử, khi thiếu thời còn không mê ngủ. Sao nay tuổi tráng niên lại mê ngủ? Ta nên tự mình đến đó xem để biết con ta cát hung, hay có bệnh hoạn gì không.”

Rồi vua Âm Hưởng đi đến cung của Tu-bồ-đề, đứng ngoài cửa, bảo một người: “Người bắc thang leo vào trong cung mà mở cửa cho ta.”

Người ấy vâng lệnh vua, tức thì bắc thang, leo tường vào bên trong, mở cửa cho vua. Khi vua vào bên trong, quán sát bên trong cung, thấy chần đệm trống không mà không có vương tử. Không trông thấy vương tử, vua hỏi các thể nữ: “Vương tử Tu-bồ-đề hiện ở đâu?”

Thể nữ đáp: “Chúng tôi cũng không biết vương tử hiện đang ở đâu.”

Nghe nói thế, vua Âm Hưởng gieo mình xuống đất, giãy lâu mới tỉnh.

Khi ấy, vua Âm Hưởng nói với quần thần: “Con ta khi còn nhỏ đã có ý nghĩ rằng: ‘Lớn lên con sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.’ Nay chắc chắn vương tử đã bỏ ta mà xuất gia học đạo. Các người hãy đi khắp bốn phương tìm xem vương tử rốt cuộc đang ở tại đâu.”

Quần thần tức thì cho xe cộ giông ruổi khắp mọi nơi tìm kiếm. Khi ấy có một vị đại thần đi vào trong núi kia, nửa đường chợt nghĩ: “Nếu vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo tất phải ở trong núi này.” Rồi thì, ông đại thần từ xa trông thấy vương tử Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây. Ông liền nghĩ thầm: “Đây chính là vương tử Tu-bồ-đề.” Nhìn kỹ, rồi quay trở về vua, tâu rằng: “Vương tử Tu-bồ-đề đang ở gần đây, đang ngồi kiết già dưới một gốc cây trong núi.” Vua Âm Hưởng nghe nói thế, liền đi đến núi đó. Từ xa trông thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây, tức thì vua gieo mình xuống đất, nói rằng: “Con ta ngày xưa đã tự thề nguyện rằng, Con đến hai mươi tuổi sẽ xuất gia học đạo. Nay quả không sai. Vả lại, trời đã có báo với ta rằng, con ta sẽ học đạo.”

Bấy giờ vua Âm Hưởng đi thẳng đến trước, nói với Tu-bồ-đề rằng: “Con nay sao bỏ cha mà xuất gia học đạo?”

Khi ấy Bích-chi-phật im lặng không trả lời. Vua lại nói: “Mẹ con rất buồn lo. Phải gặp con mới chịu ăn. Hợp thời thì con nên về cung.”

Bích-chi-phật vẫn ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng liền bước tới nắm tay, cũng không lay động.

Vua mới nói với quần thần: “Vương tử hôm nay đã mạng chung rồi. Thích Đề-hoàn Nhân trước đây đã có báo ta, rằng ta sẽ có con, nhưng con ta sẽ xuất gia học đạo. Nay vương tử đã xuất gia học đạo. Giờ hãy rước xá-lợi này về trong nước.”

Trong lúc đang hỏa thiêu⁴, các vị thần kỳ trong núi đó, hiện nửa thân hình, tâu vua rằng: “Đây là Bích-chi-phật, chứ không phải là vương tử. Ta là đệ tử của chư Phật quá

⁴ Nguyên Hán: Xà-tuần 蛇旬, một âm khác của trà-tỳ. Pāli: Jhāpeti.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khứ. Chư Phật cũng có dạy rằng, ở đời có bốn hạng người xứng đáng dựng tháp⁵ thờ. Những gì là bốn? Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xứng đáng dựng tháp thờ. Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ. A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai, xứng đáng dựng tháp thờ. Chuyển luân thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.⁶ Hỏa thiêu thân của Chuyển luân thánh vương như thế nào, thì hỏa thiêu thân của Như Lai và Bích-chi-phật cũng như vậy.”

Vua Âm Hưởng hỏi chư Thiên: “Cúng dường hỏa thiêu thân của Chuyển luân thánh vương như thế nào?”

Thần cây đáp: “Làm quách bằng sắt cho Chuyển luân thánh vương, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Chuyển luân thánh vương, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên đất, rồi để quách bằng sắt vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa thân vua đi hỏa thiêu để lấy xá-lợi. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường không dứt. Dựng tháp tại các ngã tư đường. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ cúng dường. Đại vương nên biết, sự việc cúng dường xá-lợi của Chuyển luân thánh vương là như vậy. Cúng dường chư Phật Như Lai, Bích-chi-phật, A-la-hán, cũng giống như vậy.”

Vua Âm Hưởng hỏi vị trời ấy rằng: “Do nhân duyên gì mà cúng dường thân của Chuyển luân thánh vương? Lại do nhân duyên gì mà cúng dường thân của chư Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán?”

Trời đáp: “Chuyển luân thánh vương cai trị đúng pháp, tự mình không sát sinh, lại dạy người khác không sát sinh; tự mình không lấy của không cho, lại dạy người khác không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, không ý ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, sân nhuế, ngu si; tự mình chuyên hành chánh kiến, lại làm cho người khác cũng tập theo chánh kiến. Đại vương, do nhân duyên này Chuyển luân thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.”

Vua lại hỏi: “Do nhân duyên gì A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ?”

Trời đáp: “Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, ái dục đã dứt sạch, sân hận, ngu si đã diệt trừ, tự mình đã độ thoát, đạt đến vô vi, là ruộng phước của thế gian. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ.”

Vua lại hỏi: “Do nhân duyên gì Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ?” Trời đáp: “Bích-chi-phật không thầy mà tự mình giác ngộ, xuất hiện đời thật khó gặp, được báo ngay trong hiện pháp, thoát khỏi đường dữ, khiến người được sinh lên trời. Do nhân duyên này, Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ.”

Vua lại hỏi: “Do nhân duyên gì Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ?” Trời đáp: “Như Lai có đầy đủ mười Lực. Mười Lực ấy không phải là những pháp mà Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt được. Như Lai có bốn Vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, vận chuyển Phạm luân. Như độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến Bát-niết-bàn những ai chưa Bát-niết-bàn; che chở những ai cô khổ, làm con

⁵. Nguyên Hán: Thâu-bà 偷婆; phiên âm của stūpa (Skt.) hay thūpa (Pāli).

⁶. Để bản chép thiếu mục số 4 này.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mất cho kẻ mù, làm đại y vương cho người bệnh; hết thầy chư Thiên, Người đời, Ma và Ma thiên, thầy đều tuân phụng, tôn kính, quý trọng, xoay chuyển nẻo dữ quay sang nẻo lành. Đại vương, do nhân duyên này Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ. Đại vương, đó là nhân duyên gốc ngọn mà bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ.”

Bấy giờ vua Âm Hưởng nói với vị Thiên thần này: “Lành thay, lành thay, Thiên thần! Nay tôi sẽ theo lời ông dạy để cúng dường xá-lợi này theo phép cúng dường Bích-chi-phật.”

Sau đó, vua Âm Hưởng bảo mọi người: “Các người hãy rước xá-lợi của Bích-chi-phật Tu-bồ-đề về trong nước.” Quân thần vâng lệnh vua, đặt lên kim sàng rồi rước về trong nước. Khi ấy vua Âm Hưởng liền ra lệnh là cái quách bằng sắt, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Bích-chi-phật, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu nhiều màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đập lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ cho chắc chắn. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên, rồi để thân Bích-chi-phật vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa xá-lợi Bích-chi-phật đi hỏa thiêu. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường ca nhạc. Tại ngã tư đường dựng một ngôi tháp. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ và tấu nhạc cúng dường.

Tỳ-kheo nên biết, những chúng sinh nào cúng dường xá-lợi của Bích-chi-phật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên trời Tam thập tam. Có chúng sinh tư duy vô thường tưởng, quay khỏi ba đường dữ mà chuyển sinh vào cõi người, trên trời.

Các Tỳ-kheo, các ông chớ nghĩ vua Âm Hưởng bấy giờ là ai khác. Đó là thân Ta vậy. Những ai tư duy vô thường tưởng, sẽ được nhiều lợi ích. Nay Ta xét nghĩa này nên nói với các Tỳ-kheo, hãy tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn cũng vĩnh viễn diệt trừ. Cũng như ngọn lửa đốt cháy cỏ cây trước cửa sổ giảng đường cao đẹp, cháy sạch không còn gì. Tỳ-kheo tư duy vô thường tưởng cũng vậy, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, dứt sạch không còn tàn dư.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên nhất tâm ý chớ để sai trái.

Khi pháp này được thuyết, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 4⁷

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào không đoạn năm tặc của tâm⁸, không từ năm kết của tâm⁹,

7. Tham chiếu Pāli, M.16 Cetokhila (R. i. 101). Hán, Trung 56, kinh 106 (Tâm uest 心穢).

8. Nguyên Hán: Tâm ngũ tặc 心五弊. Cf. Trung 56: Tâm ngũ uest 心中五穢; Tập Dị 11 (tr 416b29): Ngũ tâm tại 五心裁. Pāli: Pañca cetokhilā, năm trạng thái hoang dã của tâm.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy pháp thiện giảm chứ không tăng.

Những gì là năm tặc của tâm mà không đoạn trừ? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không giải thoát,¹⁰ không nhập chánh pháp¹¹. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỳ-kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, không giải thoát, không nhập chánh pháp. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỳ-kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Thánh chúng, không giải thoát, cũng không dụng ý hướng đến chúng hòa hợp, cũng không ở trong pháp đạo phẩm. Đó là Tỳ-kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo phạm cấm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm. Tỳ-kheo đã phạm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm, nên không để tâm nơi pháp đạo phẩm. Đó là Tỳ-kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm ý bất định mà tu phạm hạnh, rằng: “Với công đức tu phạm hạnh này, mong ta sinh lên trời, hoặc sinh làm các thần kỳ.” Với tâm ấy mà tu phạm hạnh, tâm không chuyên nhất vào trong đạo phẩm. Do tâm không ở trong đạo phẩm, nên đó là tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Như vậy, Tỳ-kheo có năm tặc của tâm mà không đoạn trừ.

Thế nào là năm kết của tâm không được đoạn trừ? Ở đây, Tỳ-kheo biếng nhác, không tìm cầu phương tiện. Tỳ-kheo kia do biếng nhác, không tìm cầu phương tiện, nên nói là Tỳ-kheo có kết của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ. Tỳ-kheo ấy do thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ, nên nói là Tỳ-kheo có kết thứ hai của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo mà ý không định, thường xuyên hay tán loạn. Tỳ-kheo kia do tâm loạn bất định, nên nói Tỳ-kheo có kết thứ ba của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo mà căn môn bất định. Tỳ-kheo ấy do căn môn bất định, nên nói là Tỳ-kheo có kết thứ tư của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường thích ở tại thị tứ, không thích ở chỗ vắng tĩnh. Đó là Tỳ-kheo có kết thứ năm của tâm không được đoạn trừ.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có năm kết của tâm này mà không được đoạn trừ, với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy ngày đêm pháp thiện đoạn tuyệt chứ không tăng ích.

Cũng như có tám hoặc mười hai trứng¹² mà không tùy thời được bao che, được ấp ủ, được chăm sóc; dù gà mẹ có ý nghĩ rằng: “Mong cho các con của ta được an toàn không gì khác.” Nhưng các gà con ấy không được an ổn. Vì sao? Vì không tùy thời chăm sóc. Về sau chúng bị hư, không nở gà con. Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà năm kết của tâm không được đoạn, năm tặc của tâm không được trừ, thì ngày đêm pháp thiện giảm chứ không tăng ích.

Nếu Tỳ-kheo mà năm kết của tâm được đoạn, năm tặc của tâm được trừ, thì ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm. Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng,

⁹. Hán: Tâm ngũ kết 心五結. Trung 56: Tâm ngũ phược 心中五縛; Tập Dị 11 (tr.0418a13): Ngũ tâm phược 五心縛者.

¹⁰. Hiểu là không cõi mở, không quyết đoán.

¹¹. Hiểu là không có tịnh tín.

¹². Hán: Kê tử 雞子, gà con. Cũng có thể hiểu là trứng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tùy thời chăm sóc, tùy thời nuôi nấng, tùy thời che chở, gà tuy có nghĩ rằng: “Mong các con của ta toàn không thành tựu. Nhưng các gà con kia vẫn thành tựu an ổn, vô vi. Vì sao? Tùy thời được nuôi lớn khiến được vô vi, cho đến khi các gà con được ra khỏi ngoài. Đây cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà năm tệ của tâm được đoạn, năm kết của tâm được trừ, với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy, ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm.

Cho nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hãy an lập tâm không có do dự hồ nghi đối với Phật, do dự hồ nghi đối với Pháp, do dự hồ nghi đối với Chúng, đầy đủ giới, tâm ý chuyên chánh không có thác loạn, cũng không khởi ý mong cầu pháp khác, cũng không tu phạm hạnh cầu may rằng: “Ta do hành pháp này sẽ sinh làm thân người trời, thần diệu, tôn quý.”

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, cũng có điều gì sai sót, Ta nói với các ông, dặn dò thêm nữa các ông, Tỳ-kheo kia có hai nơi để đến, hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người.

Cũng như người ở trong chỗ cực nóng, lại bị đói khát; mà gặp được chỗ có bóng mát, được nước suối mát lạnh mà uống; người ấy dù có nghĩ rằng: “Ta tuy gặp được bóng mát, nước lạnh của suối mà uống, nhưng không dứt đói khát.” Nhưng người ấy vẫn hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà không hồ nghi do dự đối với Như Lai, Tỳ-kheo ấy có hai chỗ để đến, hoặc sinh lên trời, hoặc sinh vào loài người.

Cho nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hãy tìm cầu phương tiện đoạn năm tệ của tâm, trừ năm tệ của tâm. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M